



zhù jiǔ cí
祝酒辞

noun · toast speech

Example Sentences

Xīn láng zài hūn lǐ shàng fā biǎo le zhù jiǔ cí
新郎在婚礼上发表了祝酒辞。

The groom gave a toast speech at the wedding.

Tā de zhù jiǔ cí jiǎn duǎn ér gǎn rén
他的祝酒辞简短而感人。

His toast speech was short and touching.

Trace each character, then write the word on your own.

祝	祝	祝	祝	祝	祝	祝	祝	祝	祝	祝
祝										

酒	酒	酒	酒	酒	酒	酒	酒	酒	酒	酒
酒	酒									

辞	辞	辞	辞	辞	辞	辞	辞	辞	辞	辞
辞	辞	辞	辞	辞						